

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 10/5/2023

V/v: “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn San.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Trưởng và ông Nguyễn Đức Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam: Bà Vũ Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2023/TLPT - HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn, nuôi con”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 38/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã D bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐ - PT ngày 01/3/2023, **Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐ-PT ngày 28/3/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐ-PT ngày 17/4/2023**, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn V (Nguyễn Trung V), sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn 1, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, có đơn xin vắng mặt.

* **Bị đơn:** Bà Trần Thị T, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường C, thị xã D, tỉnh Hà Nam, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Thanh Tùng - Văn phòng Luật sư Phạm Hồng Hải và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, vắng mặt.

* **Người kháng cáo:** bị đơn bà Trần Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tài liệu hồ sơ vụ án ông Nguyễn Văn V trình bày: Ông kết hôn với bà Trần Thị T trên cơ sở tự nguyện vào năm 1989, khi cưới có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm về kinh tế và trong sinh hoạt hàng ngày dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể gần gũi được, nay xét thấy không còn tình cảm nên ông xin lý hôn bà T.

Bà T trình bày: bà kết hôn với ông V trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện D vào năm 1989. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hoàn thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về kinh tế và vợ chồng nghi ngờ tình cảm dành cho nhau dẫn tới vợ chồng không còn yêu thương nhau và sống ly thân từ năm 2008 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông V xin lý hôn, bà đồng ý.

* Về con chung: Ông V, bà T cùng trình bày có 03 con chung là anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1990, chị Nguyễn Thanh H, sinh năm 1994 và cháu Nguyễn Hà Kiều A, sinh ngày 20/11/2007. Hiện hai cháu đầu đã lớn trên 18 tuổi trưởng thành, tự lập nên các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông V đề nghị để bà T tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Hà Kiều A và ông có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung; bà T xin nuôi cháu Kiều A và yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

* Về tài sản chung, công sức, công nợ: Ông V không yêu cầu Tòa giải quyết. Tại biên bản lấy lời khai bà T trình bày vợ chồng có tài sản chung là 03 thửa đất và công nợ 600.000đ. Tòa án đã tổng đạt thông báo hướng dẫn, ấn định thời gian để bà T làm các thủ tục yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công sức, công nợ để Tòa án có căn cứ thụ lý, giải quyết trong cùng vụ án tuy nhiên hết thời hạn theo thông báo bà T không làm bất cứ thủ tục gì.

Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 38/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Hà Nam đã quyết định.

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 200 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử lý hôn giữa ông Nguyễn Văn V và bà Trần Thị T.

2. Về con chung: Đối với các con chung Nguyễn Văn H, sinh ngày 03/12/1990, Nguyễn Thanh H, sinh ngày 05/10/1994 đã đủ 18 tuổi, trưởng thành tự lập được nên không đặt ra giải quyết vấn đề nuôi con sau ly hôn.

Giao con chung Nguyễn Hà Kiều A, sinh ngày 20/11/2007 cho bà Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung Nguyễn Hà Kiều A đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Ông Nguyễn Văn V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà Trần Thị T hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng nuôi con chung và quyền kháng cáo.

Trong thời hạn luật định, ngày 09/01/2023 bị đơn bà Trần Thị T có đơn kháng cáo bản án, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết cụ thể như sau:

- Về tình cảm: Bà không đồng ý ly hôn.
- Về con chung: Không đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nguyễn Hà Kiều Anh. Yêu cầu ông V phải đền bù tuổi thanh xuân cho bà và thanh toán cho bà tiền nuôi con trong thời gian vợ chồng sống ly thân
- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Bà đề nghị khi Tòa án giải quyết ly hôn phải giải quyết về tài sản, công sức, công nợ của vợ chồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo. Người bảo vệ quyền và lợi hợp pháp của bị đơn vắng mặt. Bị đơn bà Trần Thị T đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam có quan điểm:

Việc chấp hành pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị T; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 38/2022/HNGĐ-ST ngày 28/12/2022 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Hà Nam.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe kiểm sát viên phát biểu ý kiến; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Trần Thị T trong thời hạn luật định và đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định, nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà T:

Về nội dung bà T không đồng ý ly hôn với ông V thấy: Hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn V và bà Trần Thị T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông bà đều xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về kinh tế. Vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai từ năm 2008 đến nay. Hội đồng xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông V đã lâu mà không được cải thiện, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông V đề nghị xin ly hôn với bà T và Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên xử ly hôn giữa ông Nguyễn Văn V và bà Trần Thị T là phù hợp thực tế và quy định của pháp luật. Bà T kháng cáo không nhất trí ly hôn, song không đưa ra được biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng, ông V vẫn kiên quyết xin ly hôn. Do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo đối với nội dung này của bà T.

Xét nội dung kháng cáo về mức cấp dưỡng nuôi con: Trong đơn kháng cáo bà T không đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nguyễn Hà Kiều A mà cấp sơ thẩm đã tuyên 1.500.000đ/tháng. Hội đồng xét xử thấy rằng theo quy định tại Điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình, bố mẹ có nghĩa vụ nuôi dưỡng con chưa thành niên và người không trực tiếp nuôi dưỡng con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Cấp sơ thẩm tuyên ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Hà Kiều A là 1.500.000đ/tháng, bà T cho rằng mức cấp dưỡng như vậy là thấp. Ông V có đơn xét xử vắng mặt đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Căn cứ mức thu nhập thực tế của các bên đương sự và chi phí trung bình để nuôi con ăn học tại địa phương, Hội đồng xét xử thấy mức cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng là phù hợp với thực tế, do vậy không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà T. Đối với yêu cầu ông V phải đền bù tuổi thanh xuân cho bà và thanh toán cho bà tiền nuôi con trong thời gian vợ chồng sống ly thân của bà T không có căn cứ chấp nhận.

Xét kháng cáo về phần tài sản và công nợ chung, thấy: Nguyên đơn trong vụ án ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, công nợ chung. Bà T là bị đơn có đề nghị Tòa án giải quyết, nhưng trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, do bà T không thực hiện theo thông báo của Tòa án về thời gian giao nộp đơn yêu cầu, cung cấp các tài liệu, chứng cứ, vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ không có lý do, cấp sơ thẩm không thụ lý giải quyết và đã tách để giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự và đảm bảo việc xét xử hai cấp nên yêu cầu này của bà T không có căn

cứ được cấp phúc thẩm chấp nhận. Bà T có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác tại toà án cấp sơ thẩm.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà T.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà T không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị T.

Giữ nguyên bản án dân sự số 38/2022/HNGĐ-ST ngày 28/12/2022 của Toà án nhân dân thị xã D, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình. Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Xử lý hôn giữa ông Nguyễn Văn V và bà Trần Thị T.

2. Về con chung: Đối với các con chung Nguyễn Văn H, sinh ngày 03/12/1990, Nguyễn Thanh H, sinh ngày 05/10/1994 đã đủ 18 tuổi, trưởng thành tự lập được nên không đặt ra giải quyết vấn đề nuôi con sau ly hôn.

Giao con chung Nguyễn Hà Kiều A, sinh ngày 20/11/2007 cho bà Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung Nguyễn Hà Kiều A đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Ông Nguyễn Văn V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà Trần Thị T hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được.

3. Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm: ông Nguyễn Văn V phải chịu: 300.000đ. Án phí cấp dưỡng nuôi con chung ông V phải chịu 300.000đ. Số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000đ, ông V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000814 ngày 20/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam được đối trừ.

Án phí ly hôn phúc thẩm: bà Trần Thị T phải chịu 300.000đ. Đối trừ số tiền 300.000đ bà T đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000941 ngày 09/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND, VKSND thị xã D;
- Chi cục THADS thị xã D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa DS; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Văn San